

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA Ở DÂN TỘC DAO TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP VÀ TOÀN CẦU HÓA HIỆN NAY⁽¹⁾

NGUYỄN THỊ SONG HÀ^(*)
NGUYỄN VĂN PHONG^(**)

Tóm tắt: Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc trong bối cảnh đổi mới, hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay là một trong những chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước ta. Người Dao là một trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, có một nền văn hóa vô cùng phong phú và đa dạng. Văn hóa của người Dao hình thành, phát triển và được duy trì theo lịch sử phát triển của tộc người nói riêng, của cả dân tộc Việt Nam nói chung. Việc lựa chọn các giá trị văn hóa được coi là cốt lõi, phù hợp với điều kiện sự phát triển của tộc người, của quốc gia trong hội nhập toàn cầu hiện nay để bảo tồn và phát huy là một việc làm cần thiết đã và đang được cộng đồng người Dao, các địa phương có người Dao cư trú nhằm khẳng định, tôn vinh các giá trị văn hóa đặc trưng trong một nền văn hóa thống nhất và đa dạng.

Từ khóa: Chính sách; giá trị văn hóa; bảo tồn và phát huy; dân tộc Dao.

Abstract: Preserving and facilitating ethnic cultural values amidst integration and globalization is a crucial policy of the Vietnam Communist Party and government. Ethnic Dao in Vietnam is an ethnic group with rich cultural heritage. The culture of Dao people is formed, developed and maintained throughout their history. It is necessary for Dao people to select core cultural values that fit ethnic and national development in the context of international integration and globalization in order to maintain unique ethnic cultural values in a diverse yet coherent culture.

Keywords: Policy; cultural value; preservation and facilitation; ethnic Dao.

Ngày nhận bài: 21/02/2019; *Ngày sửa bài:* 01/3/2019; *Ngày duyệt đăng bài:* 29/03/2019.

1. Mở đầu

Người Dao là một trong số các tộc người thiểu số ở Việt Nam, có địa bàn cư trú khá đa dạng. Người Dao tập trung chủ yếu ở các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Hòa Bình, Sơn La. Tuy nhiên, kể từ khi đất nước thống nhất đến nay, do quá trình di cư và sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước người Dao đã có mặt ở nhiều tỉnh thành

trong cả nước, trong đó có cả các tỉnh Tây Nguyên, Nam Bộ. Căn cứ vào các đặc điểm văn hóa tộc người, các nhà khoa học đã chia dân tộc Dao thành nhiều nhóm khác nhau gồm: Dao Đỏ (Dao Đại Bản), Dao Tiền (Dao Tiểu Bản), Dao Quần Chẹt, Dao

^(*) PGS.TS. Học viện Khoa học xã hội.

^(**) Th.S. Đại học Mở địa chất.

⁽¹⁾ Bài viết sử dụng kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp Nhà nước: Biến đổi văn hóa của các dân tộc thiểu số - Những vấn đề đặt ra và giải pháp trong thời gian tới. Mã số: CTDT 11.17/16-20.

Thanh Phán (Dao Lô găng), Dao Tuyển (Dao Áo Dài), Dao Quần Trắng (Dao Họ), Dao Thanh Y (Dao Chàm). Trong lịch sử phát triển của dân tộc, người Dao đã sáng tạo cho mình những giá trị văn hóa mang đậm bản sắc riêng, góp phần làm cho bức tranh văn hóa của cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam luôn thống nhất trong đa dạng. Trong bối cảnh hội nhập và giao lưu, tiếp biến văn hóa đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay, văn hóa các tộc người thiểu số ở Việt Nam nói chung, trong đó có người Dao nói riêng đang biến đổi để thích ứng với điều kiện mới. Sự biến đổi ấy là hết sức cần thiết bởi nó sẽ làm phong phú hơn các giá trị văn hóa, song cũng đặt ra không ít những thách thức. Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống cần được nhìn nhận dưới góc độ phát triển và bảo vệ các di sản văn hóa các tộc người trong bối cảnh hiện nay là hết sức cần thiết.

2. Quan điểm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa các tộc người thiểu số của Đảng và Nhà nước ta

Nhận thức được vấn đề quan trọng trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của các tộc người thiểu số, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã sớm có chính sách để bảo vệ văn hóa các dân tộc thiểu số nói chung và chính sách về văn hóa phi vật thể nói riêng, cũng như luôn đổi mới, cập nhật các chính sách cho phù hợp với thực tiễn của đất nước. Trong những năm gần đây, các chính sách bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số của Chính phủ Việt Nam được thông qua nhiều để án phát triển chung hay cho từng vùng, từng dân tộc cụ thể. Đặc biệt, trong Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện từ năm 1995 đến nay của Đảng và Nhà

nước ta đã khẳng định, ba mục tiêu trong số các mục tiêu của chương trình là đầu tư nghiên cứu điều tra, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể, đầu tư bảo tồn các làng bản và phục hồi lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số, đầu tư cho các hoạt động văn hóa của cộng đồng...

Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định sự tôn trọng đối với văn hóa truyền thống của tộc người thiểu số, mong muốn giữ gìn và phát huy những truyền thống văn hóa của các tộc người thiểu số, chú trọng sâu tâm, khai thác, lưu giữ, in ấn và giới thiệu rộng rãi các di sản đặc sắc của văn hóa tộc người. Việc Nhà nước ta thể hiện sự tôn trọng và bảo vệ các giá trị văn hóa của các tộc người để bảo đảm sự bình đẳng đã được thể hiện rõ trên nhiều phương diện. Chẳng hạn như, Mục tiêu của chính sách bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số nói chung và văn hóa phi vật thể của dân tộc thiểu số nói chung đã xác định rõ và đầy đủ trong Quyết định 124/2003 của Thủ tướng Chính phủ: *Bảo tồn và kế thừa có chọn lọc, phát huy những tinh hoa văn hóa truyền thống, xây dựng và phát triển những giá trị mới về văn hóa, nghệ thuật của các dân tộc thiểu số; phát hiện và bồi dưỡng đội ngũ những người sáng tác văn học, nghệ thuật là người các dân tộc thiểu số; tổ chức điều tra, sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến các giá trị văn hóa nghệ thuật, bảo tồn và phát huy các nghệ thủ công truyền thống; phát triển các hoạt động văn hóa, nghệ thuật lành mạnh; xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, mở rộng mạng lưới thông tin ở vùng dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao dân trí, xóa bỏ tập tục lạc hậu, góp phần phát triển du lịch, xóa đói giảm nghèo.* Trong Chương trình mục tiêu Quốc gia 2001

2005, vấn đề “*Bảo tồn di sản văn hóa tiêu biểu và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở*” đã được đặt ra, công tác, đã sưu tầm, khai thác và lưu giữ, in ấn, giới thiệu rộng rãi các di sản đặc sắc của văn hóa các tộc người ở Việt Nam với mục đích bảo lưu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của tộc người trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa.

Trong nhiều năm qua, Chính phủ từng bước cụ thể hoá các chủ trương của Đảng qua các kỳ Đại hội thành các chính sách ưu tiên phát triển văn hoá vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chỉ thị số 39/1998/CT-TTg ngày 03 tháng 12 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác văn hoá - thông tin ở miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã nêu rõ: *Coi trọng, bảo tồn, phát huy những giá trị truyền thống và xây dựng, phát triển những giá trị mới về văn hoá, văn học, nghệ thuật của các dân tộc, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, mở rộng mạng lưới thông tin ở vùng dân tộc thiểu số*(2); Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06 tháng 05 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hoá đến năm 2020(3); Chỉ thị số 1971/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh trong vùng dân tộc và miền núi; Nghị định số 05/2011/ND-CP của Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc đã quan tâm đến việc “*Hỗ trợ việc sưu tầm, nghiên cứu, bảo vệ, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số trong cộng*

đồng dân tộc Việt Nam; Hỗ trợ việc giữ gìn và phát triển chữ viết của các dân tộc có chữ viết. Các dân tộc thiểu số có trách nhiệm gìn giữ văn hóa truyền thống tốt đẹp, tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình phù hợp với pháp luật; Xây dựng, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; hỗ trợ việc đầu tư, gìn giữ, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa đã được Nhà nước xếp hạng; Đồng bào dân tộc thiểu số được ưu đãi, hưởng thụ văn hóa, hỗ trợ xây dựng, khai thác sử dụng có hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Bảo tồn, phát huy các lễ hội truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc, định kỳ tổ chức ngày hội văn hóa thể thao dân tộc theo từng khu vực hoặc từng dân tộc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số(4).

Từ Đổi mới đất nước 1986 đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn quan tâm đến việc gìn giữ bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa của cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam, luôn nhận thức đúng đắn về vai trò và tầm quan trọng của văn hóa trong phát triển, chủ trương văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển. Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều văn bản, nhiều biện pháp để không chỉ khẳng định vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững mà còn được triển khai thực

(2) Chỉ thị số 39/1998/CT-TTg ngày 03 tháng 12 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác văn hóa - thông tin ở miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

(3) Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06 tháng 05 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020.

(4) Nghị định số 05/ND-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 14 tháng 1 năm 2011 về công tác dân tộc, Điều 13.

hiện bằng những chính sách và việc làm cụ thể mang lại những hiệu quả rõ rệt.

Đảng và Nhà nước đã có khá nhiều quan điểm, định hướng chính sách cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị của văn hóa truyền thống trong bối cảnh hội nhập và phát triển. Chủ trương bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người thiểu số được thể hiện rất rõ nét trong quan điểm của Đảng và Nhà nước. Các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, IX, XI về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là cơ sở quan trọng trong định hướng chính sách quản lý nhà nước về văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số. Đáng chú ý là trong văn kiện Đại hội XI Đảng đã nêu rõ, các cấp, các ngành cần: *Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội vùng dân tộc thiểu số*. Trong đó, nội dung nghiên cứu nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống phục vụ phát triển các tộc người thiểu số là hết sức quan trọng.

3. Các giá trị văn hóa của dân tộc Dao đã, đang cần được bảo tồn và phát huy trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa

Văn hóa của người Dao được hình thành và phát triển trong suốt chiều dài lịch sử tộc người, nó được thể hiện qua nhiều chiều cạnh khác nhau như các giá trị văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần,... mà đặc biệt được thể hiện rõ nét qua hệ thống tín ngưỡng được thực hành trong gia đình, dòng họ và cộng đồng. Quá trình phát triển, hội nhập hiện nay cho thấy, mặc dù sống cận cư với các tộc người khác như người Kinh, Hmông, Tày, Nùng...

(các tỉnh phía Bắc), hay Ê đê, Ba na, Gia rai... (các tỉnh Tây Nguyên),... thì người Dao vẫn giữ được giá trị văn hóa đặc trưng của tộc người. Có thể ở đâu đó, các đặc điểm văn hóa truyền thống của người Dao bị mai một, biến đổi hoặc mất đi, không còn giữ nguyên bản như khi nó mới hình thành. Nhưng đằng sau đó, là niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng, niềm tự hào về văn hóa vẫn còn đó trong tâm thức của người Dao, bởi như một nhà triết gia đã từng nói: văn hóa luôn luôn trường tồn, nó không bao giờ mất đi mà luôn luôn vận động, biến đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác.

Có thể thấy rằng, văn hóa vật chất, tinh thần, lễ hội,... của người Dao chứa đựng nhiều giá trị về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, xã hội, nhân sinh quan, thế giới quan của tộc người, nó có tác động đến các mối quan hệ gia đình, dòng tộc, cộng đồng. Chính vì vậy, việc thực hành, lựa chọn để duy trì, bảo tồn các giá trị văn hóa cốt lõi, đặc trưng của người Dao và hạn chế những yếu tố văn hóa không còn phù hợp chính là góp phần bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa của Dao hướng tới phát triển bền vững tộc người trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa.

Có thể nêu ra một số giá trị văn hóa của người Dao đã và đang được thực hành, duy trì và phát triển, giúp nhận biết sự khác nhau giữa người Dao với tộc người khác, và đó chính là *bản sắc tộc người*. Chẳng hạn như, trong văn hóa vật chất, trong đó có trang phục thể hiện khá rõ bản sắc văn hóa của từng nhóm, nhìn vào trang phục có thể nhận biết được các nhóm Dao khác nhau, đầu là trang phục đám cưới, trang phục trong thực hiện nghi lễ (cấp sắc, đám tang), trang phục ngày

thường. Ngoài ra cùng một nhóm Dao, nhưng ở địa phương khác nhau, màu vải, màu chỉ hay hoa văn trang trí trong các bộ trang phục có thể khác nhau. Chẳng hạn như, ở tỉnh Tuyên Quang, phụ nữ Dao Đỏ ở huyện Nà Hang dùng khăn đội đầu màu trắng thêu hoa văn, đội quần tròn, phụ nữ Dao Đỏ ở huyện Hàm Yên dùng khăn chàm thêu đội vắt chéo. Trang phục của các cô gái Dao Đỏ thể hiện rất nhiều hoa văn ở ngực áo, yếm, ống quần, miếng choàng sau lưng và miếng choàng trước bụng, có hai hàng quả bông đỏ ở ngực áo to và được trang trí với màu sắc sặc sỡ. Hay như nhóm Dao Tiên ở Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, nẹp áo có đính cúc bạc hình tròn, nhóm Dao Tiên ở Hòa Bình, Sơn La, Phú Thọ đội khăn chàm có đính đồng tiền, có tua đỏ đầu khăn, còn nhóm Dao Quần Chẹt mặc quần ống hẹp, ngắn, bó chặt đầu gối,... Trong trang phục của phụ nữ Dao thấy rõ, chỉ có phụ nữ Dao Tiên và Dao Lô Găng mặc váy, còn lại mặc quần với 3 kiểu dáng khác nhau, song phổ biến là kiểu chân què. Trong trang phục của phụ nữ Dao Tiên, hoa văn trang trí chủ yếu in bằng sáp ong, còn lại đều được thêu bằng chỉ màu ngũ sắc với nhiều mô típ khác nhau, nhưng phổ biến và chung nhất là các mô típ hình người, hình chim, chữ vạn, chữ tinh, cây thông, dấu thập. Có thể nói, những nét riêng trong trang phục của mỗi nhóm Dao đã thể hiện được sự đa dạng về văn hóa và mối quan hệ tương đồng, khác biệt ở mỗi nhóm, mỗi địa phương. Trang phục của nam giới đơn giản, gồm áo, quần, khăn quấn thành vành đội đầu với chất liệu thô nhuộm chàm hay đen, ít thêu hoa văn trang trí.

Đôi với ngôi nhà truyền thống của người Dao tồn tại 3 loại hình nhà khác

nau là nhà nền đất, nhà sàn và nhà nửa sàn, nửa đất. Mỗi loại hình nhà ở đều phản ánh điều kiện sinh hoạt, điều kiện canh tác và sự giao thoa văn hóa của người Dao với các dân tộc sống cận cư. Nhà nền sàn có nhiều ở hai nhóm Dao là Dao Thanh Y và Dao Quần Trắng, đó là kết quả của sự giao thoa văn hóa của người Dao với người Tày. Tuy ở các loại hình nhà khác nhau, nhưng trong cách thức bố trí các vị trí trong ngôi nhà của người Dao khá thống nhất, nhất là nơi đặt bàn thờ tổ tiên, vị trí chủ nhà, gian khách.

Trong văn hóa của người Dao, nghi lễ và tín ngưỡng rất đa dạng và phong phú, nghi lễ có vai trò căn bản để gìn giữ và bảo vệ bản sắc văn hóa tộc người, nhất là trong quá trình hội nhập và toàn cầu hóa. Người Dao có nhiều nghi lễ khác nhau như lễ cấp sắc (*Qua tang*), lễ cúng Bàn vương (*Piên hùng dâng*), lễ tết nhảy (*Pút tống*), lễ mở cửa rừng (*Tây châu dâng*), lễ cầu mưa (*trầu sưa*), lễ cúng miếu làng,... Nghi lễ của người Dao có sự khác biệt giữa hai nhóm nói hai phương ngữ khác nhau là nhóm phương ngữ *Miền* (Dao Đỏ, Dao Tiên, Dao Quần Chẹt, Dao Thanh Phán) và nhóm nói phương ngữ *Mùn* (Dao Quần Trắng, Dao Áo Dài, Dao Thanh Y). Mỗi một nghi lễ được thực hành, là nhằm biểu trưng cho các giá trị văn hóa, ước nguyện và cầu mong của cộng đồng người Dao. Chẳng hạn trong các nghi lễ đặc trưng, thường được tổ chức trước tết Nguyên Đán, ở trước bàn thờ gia đình ông trưởng họ. Mục đích của nghi lễ này là để cầu khẩn tổ tiên phù hộ cho toàn thể gia đình, dòng họ, làng bản được mạnh khỏe, làm ăn phát triển, mùa màng bội thu,... Việc tổ chức lễ tết nhảy của người Dao được tiến hành ba năm liên tục cho một dòng họ và

khi dòng họ này kết thúc thì dòng họ khác mới được làm. Tết nhảy được diễn ra trong cả ngày, mở màn là một tốp nam thanh niên theo sự hướng dẫn của thầy cúng nhảy mở đường bắc cầu đưa đón tổ tiên, thần linh về dự tết (14 điệu). Sau lễ nhảy mở đường, cả dòng họ làm lễ rước tượng tổ tiên. Theo quan điểm của người Dao, tổ tiên là một vị thần thiêng liêng, vì thế ngày thường tượng tổ tiên được bọc kín bằng vải trắng và chỉ ngày tết con cháu mới rước xuống làm lễ tắm gội, thay khăn choàng mới. Sau lễ tắm gội cho tượng, con cháu lại tổ chức các điệu nhảy, dâng gà. Người Dao quy định, sau khi cúng tổ tiên xong con cháu lại trong dòng họ phải tắm rửa sạch sẽ để cùng tổ tiên ăn tết. Có thể nói, tết nhảy của người Dao là một loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian đặc sắc, bao gồm nghệ thuật nhảy múa, nghệ thuật âm nhạc và nghệ thuật ngôn từ, nghệ thuật tạo hình với các loại tranh thờ, tranh cắt giấy, điêu khắc gỗ,... và thể hiện được giá trị nhân văn sâu sắc, đó là sự tôn trọng của các thế hệ con cháu đối với tổ tiên. Hay như, thông qua các nghi lễ trong chu kỳ đời người, đặc biệt là lễ cấp sắc, người ta có thể nhận thấy giá trị văn hóa của người Dao, giúp phân biệt người Dao với các tộc người khác. Quan sát một lễ cấp sắc, người ta thấy rõ được “hình mẫu” của một người đàn ông Dao. Thực hành và duy trì lễ cấp sắc, người Dao đã tái hiện lịch sử thiên di đầy biến động và vinh quang của họ. Lễ cấp sắc đã trở thành một di sản văn hóa có tính trường tồn, bền vững, tiêu biểu cho bản sắc văn hóa của người Dao. Với họ, lễ cấp sắc là một hoạt động tín ngưỡng phổ biến, có tính chất bắt buộc đối với người đàn ông, nó là sự công nhận chính thức cho một người đàn ông đã

trưởng thành. Theo quan niệm của người Dao chỉ sau lễ cấp sắc, người đàn ông Dao mới có quyền được đi xa, làm nhà, làm thầy cúng,... và khi chết mới được công nhận là con cháu của Bàn Vương, hồn mới được về Dương Châu Đại điện, nơi người Dao coi là quê hương khởi nguồn của họ. Tùy từng nhóm Dao mà có sự khác biệt về độ tuổi, chẳng hạn như nhóm Dao Quần trắng, Dao Thanh Y, Dao áo dài cấp sắc được thực hiện cho nam giới độ tuổi 10-18; nhóm Dao Đỏ, Dao Tiên, Dao Lô Gang, Dao Quần Chẹt lại thường chỉ cấp cho những người đã có vợ. Trong văn hóa của người Dao, lễ cấp sắc có nhiều thứ tự cho bố rồi con, cho anh rồi đến cho em. Lễ cấp sắc 3 đèn có thể tổ chức chung cùng một thời điểm nhưng lễ 7 đèn và 12 đèn phải thực hiện cho từng người một. Theo đồng bào Dao cho biết thì hiện nay lễ cấp sắc 12 đèn gần như không còn tồn tại trong cộng đồng bởi để có thể tổ chức lễ cấp sắc 12 đèn đòi hỏi phải có 12 thầy cúng cao tay đã qua cấp sắc 12 đèn và phải chuẩn bị nhiều lễ vật, phải trải qua nhiều thử thách, khó khăn và có thể nguy hiểm cả đến tính mạng. Việc không còn duy trì lễ cấp sắc 12 đèn trong cộng đồng người Dao cũng là một điều đáng tiếc bởi ở lễ cấp sắc này, cuộc sống quá khứ, thực tại và tâm linh được phản ánh một cách chân thực, qua đó cũng có ý nghĩa giáo dục và lưu giữ giá trị văn hóa của tộc người của mỗi nhóm Dao, nếu như ở lễ cấp sắc, các nhóm Dao ở phương ngữ Miền có các cấp 3 đèn, 7 đèn, 12 đèn thì nhóm phương ngữ Mùn gồm hai cấp là Tam Thanh và Tam Nguyên, chưa kể đến quá trình diễn biến lễ cấp sắc ở mỗi cấp bậc, độ tuổi người thụ lễ, số thầy cúng và các thức trang trí, trang phục...

Lễ cấp sắc có nhiều trình tự như chuẩn bị cho thực hành nghi lễ (mời thầy cúng cao tay, treo tranh thờ, các lễ vật), thực hiện nghi thức trình diện, đặt tên âm, lễ lên đèn, lễ thăm thiên đình, lễ tơ hồng, lễ nộp lợn cho ma tổ, lễ tiễn Bàn Vương và các thần linh về trời,... Thông qua lễ cấp sắc cho thấy ý nghĩa giáo dục về cội nguồn lịch sử, truyền thống văn hóa, ý nghĩa tôn sư trọng đạo, báo hiếu, niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng, sự cố kết cộng đồng, hướng con người vào việc thiện, không làm điều ác, sống chân thành, có lòng vị tha và dung cảm,... Qua nghi lễ cấp sắc, người ta còn khuyên dạy con người biết tôn trọng và chấp hành luật lệ, tập quán của tộc người. Việc treo tranh thờ trong các nghi thức minh chứng cho sự hiện diện của thế giới thần linh, siêu nhiên trước cuộc sống của mỗi người để răn đe họ làm điều ác, phù hộ khi họ gặp khó khăn. Chính vì vậy, lễ cấp sắc có một vai trò quan trọng đối với văn hóa tinh thần của người Dao, nó có tác dụng củng cố niềm tin, niềm tự hào, tính cố kết cộng đồng.

Đặc trưng quan trọng trong văn hóa của người Dao là hệ thống sách cổ bởi nó có nhiều giá trị về lịch sử và văn hóa tộc người, tín ngưỡng và nông nghiệp. Sách cổ được ghi chép bằng loại chữ Hán cổ nhưng được đọc theo âm tiếng Dao (thường được gọi là chữ Nôm - Dao). Hệ thống sách cổ đã và đang được lưu giữ trong các bảo tàng, các cơ quan của Nhà nước, và đặc biệt trong các gia đình người Dao tại các địa phương khá phong phú về số lượng và thể loại, gồm sách về tôn giáo, tín ngưỡng (các bộ Kinh thư, sách cúng giải hạn, làm chay, lễ cấp sắc, sách văn học dân gian, sách dạy hát trong các nghi lễ đám cưới, lễ hội, gia phả, tín ca, sách chữa

bệnh,... Tất cả những giá trị văn hóa của người Dao được lưu giữ trong hệ thống sách cổ khá cơ bản và phong phú, nó có giá trị trong việc bảo tồn và trao truyền nếp sống văn hóa, kinh nghiệm ứng xử và các mối quan hệ xã hội, các tri thức dân gian của thế hệ cha ông đối với thế hệ về sau. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển của cộng đồng tộc người, đến nay hệ thống sách cổ của người Dao ngày càng bị suy giảm, thất truyền, đồng thời không còn có nhiều người có khả năng đọc, truyền dạy các tri thức của người Dao trong sách cổ,... nên nhiều giá trị văn hóa của tộc người cũng có nguy cơ bị lãng quên.

Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay, biến đổi văn hóa truyền thống của các tộc người thiểu số ở Việt Nam nói chung, người Dao nói riêng có sự “đậm nhạt” khác nhau, có thể là biến đổi trong quá trình chuẩn bị cho các nghi lễ, biến đổi trong cách thức tiến hành, biến đổi trong trang phục, âm thực, nhạc cụ, ngôn ngữ sử dụng, trong quan niệm, suy nghĩ,... nhưng tất cả đều cho thấy đặc điểm văn hóa vật chất biến đổi sâu sắc hơn, nhiều hơn so với văn hóa tinh thần và những giá trị của văn hóa tinh thần vẫn tồn tại và hiện hữu trong đời sống của người Dao. Điều quan trọng là trong quá trình biến đổi ấy, người Dao vẫn lựa chọn cho mình những giá trị văn hóa được coi là bản sắc để duy trì, bảo tồn và phát huy, đồng thời cũng tiếp nhận, làm “mới mình” để phù hợp với sự phát triển chung của đất nước.

4. Một số vấn đề đặt ra trong bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân gian dân tộc Dao

Thứ nhất, trong quá trình thực hành các nghi lễ của người Dao thường sử dụng

hệ thống các sách chữ Hán và chữ Nôm - Dao, việc đọc các sách này phần lớn là các thầy cúng mới có thể sử dụng được. Tuy nhiên, các “thầy cúng cao tay” này hiện nay đã già yếu, số lượng cũng đã hạn chế, còn các thầy cúng trẻ tuổi hơn ít thành thạo ngôn ngữ này mà phần lớn là học thuộc qua truyền khẩu mà không nắm hết được bản chất. Ngoài ra, do việc học các bài cúng này khá khó khăn nên thế hệ các thầy cúng trẻ ít chú ý và đời ngũ những người làm thầy cúng theo “gia truyền” ngày càng ít. Bên cạnh đó hệ thống sách cúng, sách ghi chép về tri thức, văn hóa dân gian của người Dao được lưu truyền trong đời sống qua các thầy cúng chưa được chú ý xuất bản. Do đó, để nhận diện được đầy đủ văn hóa của người Dao trong bối cảnh hiện nay cũng gặp không ít khó khăn.

Thứ hai, trang phục truyền thống, đặc biệt là trang phục của thầy cúng những người được thụ lễ được sử dụng trong những năm gần đây đang ngày một ít đi cũng làm giảm sút ý nghĩa văn hóa của tộc người bởi các hoa văn, hình thù trang trí... trong các bộ trang phục này cũng mang đậm ý nghĩa biểu tượng về văn hóa nguyên thủy của tộc người khá sâu sắc. Do đó, trong việc thực hành các nghi lễ việc sử dụng trang phục truyền thống là hết sức cần thiết. Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, thực hiện chính sách bảo tồn văn hóa các dân tộc thiểu số, nhiều giá trị văn hóa của cộng đồng dân tộc Dao đã được chính quyền địa phương quan tâm tuyên truyền, thực hiện, trong đó trang phục dân tộc, song mức độ ở mỗi địa phương là khác nhau. Tầng lớp thanh thiếu niên đa phần không còn sử dụng trang phục truyền thống hàng ngày, trang phục cưới, trang phục trong tang ma, lễ

hội,... cũng ngày một thưa dần mà thay thế vào đó là trang phục hiện đại, cách tân. Trang phục truyền thống đôi khi chỉ được thể hiện, khoe sắc ở trong các ngày hội văn hóa dân tộc, các cuộc thi,... vì thế cũng làm “giảm bớt” giá trị và ý thức bảo tồn trang phục trong cộng đồng.

Thứ ba, thế hệ trẻ người Dao ngày càng được tiếp nhận nhiều hơn với khoa học công nghệ, cuộc sống hiện đại nên việc thế hệ trẻ sử dụng và tiếp nhận các tri thức dân gian từ thế hệ cha ông không còn được “mặn mà” như trước cũng là một trong những vấn đề đang đặt ra để cộng đồng người Dao lựa chọn các giá trị văn hóa đặc trưng, phù hợp với bối cảnh hội nhập để “trao truyền” cho thế hệ trẻ.

Thứ tư, trong bối cảnh hiện nay, để đảm bảo đời sống kinh tế gia đình, học hành,... nên nhiều khi lễ nghi, nghi lễ trong văn hóa người Dao đã được giản tiện để tiết kiệm thời gian, chính vì vậy mà ý nghĩa giáo dục, truyền tải văn hóa tộc người đến cộng đồng bị hạn chế. Do đó, mà sự liên kết, gắn bó giữa các thế hệ trong gia đình, trong dòng họ hay cộng đồng có nguy cơ “lỏng lẻo” và không bền chặt như trong truyền thống và điều này cũng ảnh hưởng đến công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của tộc người Dao xuất phát từ trong môi trường gia đình và cộng đồng.

Thứ năm, hiện nay ở một số địa phương ở một số cộng đồng người Dao đã ảnh hưởng, tiếp nhận văn hóa của đạo Tin lành, nên các hoạt động văn hóa của cộng đồng, ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến giá trị, đặc trưng văn hóa của tộc người, có nguy cơ mai một.

Thứ sáu, trong bối cảnh đổi mới hội nhập hiện nay, nhiều giá trị văn hóa của người Dao đã được nhiều địa phương quan

tâm, phát huy và gắn với nó là các hoạt động phát triển du lịch, gắn với sân khấu hóa. Điều này góp phần nâng cao đời sống kinh tế cho các hộ gia đình người Dao, có tác dụng quảng bá văn hóa đến cộng đồng... song cũng cần lưu ý đến tính “thiên liêng” của nghi lễ khi gắn với đời sống tâm linh của gia đình, dòng họ, cộng đồng người Dao, không để tình trạng “thương mại hóa văn hóa” vì nếu không chúng ta sẽ đánh mất giá trị văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng của tộc người.

5. Định hướng nghiên cứu bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Dao trong thời gian tới

Để có thể làm tốt công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của các tộc người thiểu số, theo chúng tôi cần:

Thứ nhất, các cấp chính quyền địa phương và bản thân cộng đồng người Dao cần nhận thức một cách rõ ràng các giá trị văn hóa truyền thống được coi là bản sắc riêng của mình. Đồng thời tạo được niềm tin và lòng tự hào về truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tránh gây tâm lý mặc cảm văn hoá, phát huy được vai trò của chủ thể văn hóa trong công tác lựa chọn các giá trị văn hóa, thực hiện bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đó.

Thứ hai, tuyên truyền, phổ biến và phát huy hơn nữa các giá trị văn hóa cốt lõi, đặc trưng của tộc người trong đời sống hiện nay của cộng đồng dân tộc Dao thông qua nhiều hình thức khác nhau như qua các đời sống sinh hoạt hàng ngày, qua các nghi lễ được thực hành trong gia đình, trong cộng đồng, qua các hội diễn văn nghệ, qua trường học, qua phương tiện thông tin đại chúng.

Thứ ba, xây dựng các quy ước nếp sống mới trong bối cảnh đô thị hoá hiện nay đối

với việc gìn giữ bản sắc văn hoá tộc người. Thông qua hương ước, quy ước, nếp sống văn hóa gia đình, thôn bản của người Dao để xây dựng các tiêu chuẩn hợp lý, tích cực vừa bảo tồn các giá trị văn hóa vừa phát huy được các giá trị văn hóa tích cực ấy trong đời sống tinh thần hiện nay của người Dao.

Thứ tư, phát huy vai trò của những người có uy tín, tiêu biểu ở vùng người Dao sinh sống trong việc vận động, tuyên truyền đồng bào các tộc người thiểu số thực hiện các chủ trương, chính sách và xác định các yếu tố văn hóa cần bảo tồn và phát huy phù hợp với đời sống mới hiện nay.

Thứ năm, phát huy sức mạnh tối đa chính chủ thể văn hóa trong các hoạt động bảo tồn, gìn giữ và phát huy các di sản văn hóa của tộc người.

Thứ sáu, Nhà nước và các cấp chính quyền địa phương cần hỗ trợ khoản kinh phí để nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản và đưa vào hoạt động các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của người Dao. Trong quá trình ban hành chính sách, thực thi chính sách về bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa cần phát huy nhiều hơn vai trò của chủ thể văn hóa, đó chính là các nghệ nhân, những người có uy tín là người Dao.

Thứ bảy, chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng kiến thức về dân tộc học, văn hóa dân tộc cho những người làm công tác quản lý văn hóa, tuyên truyền, công tác dân tộc và hoạch định chính sách để các hoạt động quản lý văn hóa, phát huy và bảo tồn văn hóa,... có trọng tâm, hiệu quả và phù hợp với tộc người.

Thứ tám, phát huy hơn nữa vai trò của gia đình, dòng họ... trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc Dao bởi thực tế cho thấy, gia đình, dòng họ là cái nôi cơ bản, đầu tiên trong việc tổ

chức, thực hành và duy trì các giá trị văn hóa, đồng thời đây cũng là sợi dây gắn kết các thành viên trong dòng họ, cộng đồng.

6. Kết luận

Văn hóa có một tầm quan trọng trong sự phát triển, được coi là nền tảng tinh thần của xã hội, động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, bởi vậy văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển. Trong bối cảnh hiện nay, các tộc người thiểu số ở Việt Nam, trong đó có người Dao đang có nhiều cơ hội để lựa chọn các giá trị văn hóa cho mình nhằm phù hợp với điều kiện sống mới, và điều đó cũng là nguyên nhân khiến một số giá trị văn hóa bị mai một, biến đổi. Dao là một tộc người có nhiều giá trị văn hóa tiêu biểu, đặc sắc được coi là nguồn di sản văn hóa góp phần vào sự phát triển của cộng đồng quốc gia dân tộc. Chính vì vậy, việc nhận diện những vấn đề về biến đổi văn hóa truyền thống của các tộc người và xác định những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý nhà nước về văn hóa nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người Dao đáp ứng với thực tiễn hội nhập của đất nước hiện nay là hết sức cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Bình (2009), *Một số vấn đề về truyền thống gia đình của người Dao ở Ba Vì, Hà Nội*, Hội thảo Dao học Quốc tế, Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc, 05-07/11/2009; "Some Issue About the Traditional Family of Dao People in Ba Vi - Hanoi", *Vietnam Social sciences Review*, №6/2008.
2. Trần Bình (2010), *Một số vấn đề về nguồn gốc người Dao ở Việt Nam*, Hội thảo Dao học Quốc tế, Lai Tân, Quảng Tây, Trung Quốc, 22-24/5/2010.

3. Bộ Văn hóa - Thông tin (1998), *Một số giá trị văn hóa cổ truyền với đời sống văn hóa ở cơ sở nông thôn hiện nay*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

4. Bế Viết Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung, Nguyễn Nam Tiến (1971), *Người Dao ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. Lê Sĩ Giáo (1996), "Tục cấp sắc của người Dao và tính giáo dục của lễ thức", *Tạp chí Dân tộc và Thời đại*, Số 29, Hà Nội.

6. Lê Sĩ Giáo (1998), *Tục cấp sắc của người Dao và tính giáo dục của nó*, Trong cuốn "Sự phát triển văn hóa xã hội của người Dao": Hiện tại và tương lai (Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế về người Dao, tổ chức tại Thái Nguyên, tháng 12 (1995), Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia xuất bản, Hà Nội.

7. Phạm Quang Hoan, Hùng Đình Quý (Đồng chủ biên, 1999), *Văn hoá truyền thống người Dao ở Hà Giang*, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

8. Nguyễn Vũ Phan (2014), *Lễ cấp sắc của người Dao Đỏ ở tỉnh Tuyên Quang*, *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, Số 1, Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ, Đà Nẵng.

9. Lý Hành Sơn (2007), *Tục cấp sắc ở người Dao và sự biến đổi của nó trong thời kỳ nền kinh tế chuyển đổi*, Trong cuốn "Phát triển nông thôn miền núi và dân tộc trong thời kỳ kinh tế chuyển đổi", Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

10. Lý Hành Sơn (2017), *Vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di sản nghi lễ của người Dao ở nước ta hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Dao trong bối cảnh hội nhập và phát triển đất nước, Bộ văn hóa thể thao và Du lịch, Tuyên Quang tháng 9 năm 2017.